

Ngày 19/08/2026



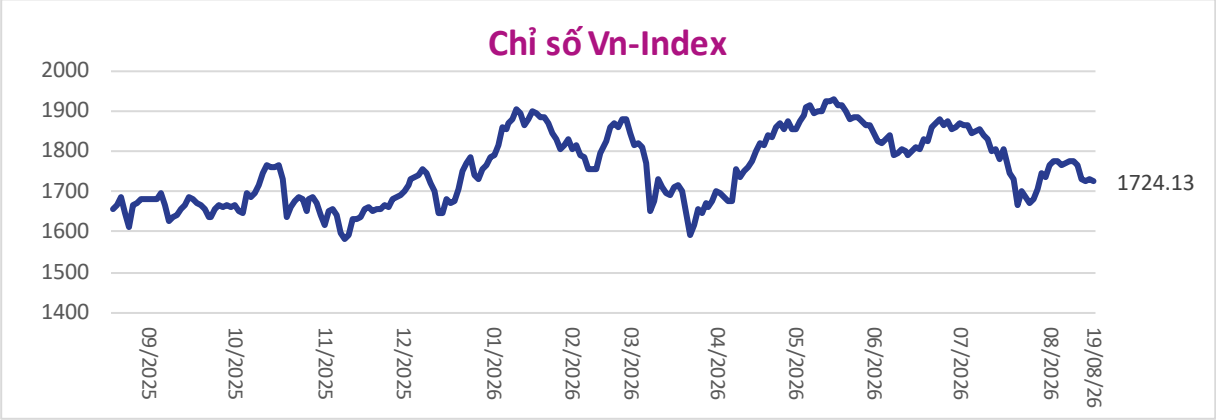
# TOÀN CẢNH THỊ TRƯỜNG

## GIỮA PHIÊN



## Tổng quan thị trường

1724.13 -7.89 -0.46%

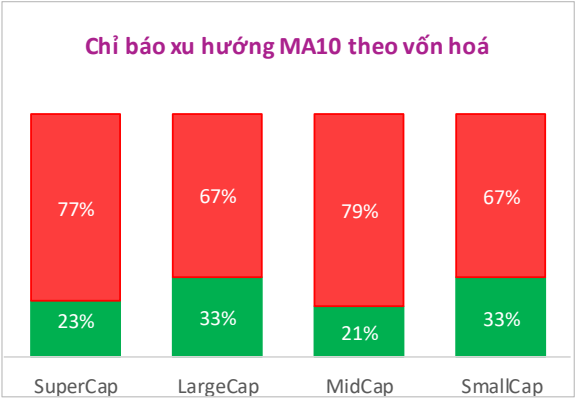


Phiên giao dịch sáng ngày 19/08/2026, chỉ số Vn-Index đang giảm điểm ở mức trung bình, tuy nhiên số lượng mã giảm đang chiếm ưu thế. So với phiên giao dịch ngày hôm trước, Vn-Index giảm -7,89 điểm, và đang vận động dưới đường trung bình 10 ngày. Trong số các mã cổ phiếu trụ có vốn hoá lớn nhất trong Vn-Index, mã cổ phiếu đang có mức giảm giá mạnh là: CTG(-1,3%).

Trong tháng 8/2026, khối ngoại tiếp tục đà bán ròng cổ phiếu với tổng giá trị là -1.535 tỷ đồng. Lũy kế từ đầu năm 2026 đến nay, khối ngoại đã bán ròng với tổng giá trị là -93.758 tỷ đồng. Trong phiên giao dịch sáng nay, khối ngoại đang bán ròng -256 tỷ đồng.

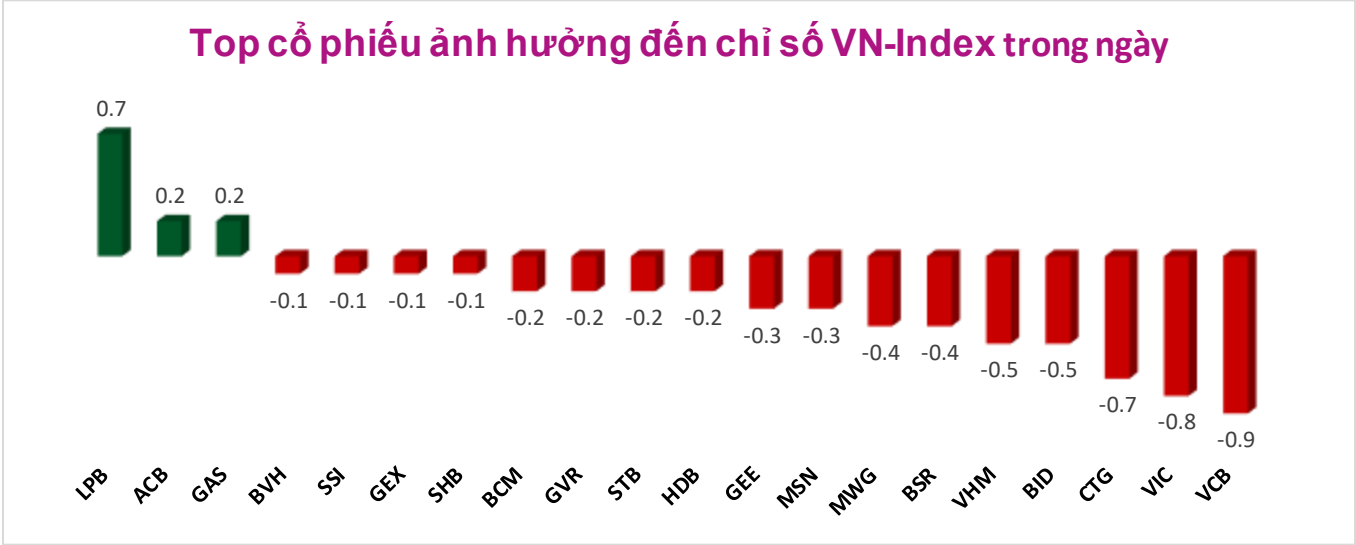
## Chỉ báo xu hướng ngắn hạn

| Chỉ báo xu hướng MA10 theo ngành |                |               |
|----------------------------------|----------------|---------------|
| Ngân hàng ↓                      | Bất động sản ↓ | Chứng khoán ↓ |
| Thép ↓                           | Phân bón ↓     | Công nghệ ↓   |
| Dầu khí ↑                        | Khu CN ↓       | Thủy sản ↓    |
| Bảo hiểm ↓                       | Xây dựng ↓     | Cảng biển ↑   |
| Mía đường ↓                      | Bán lẻ ↓       | Dệt may ↓     |

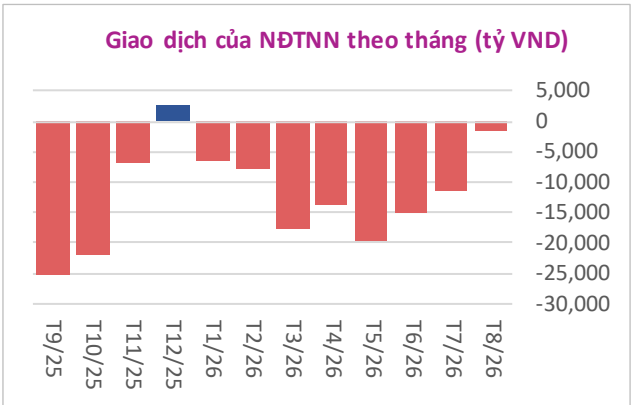
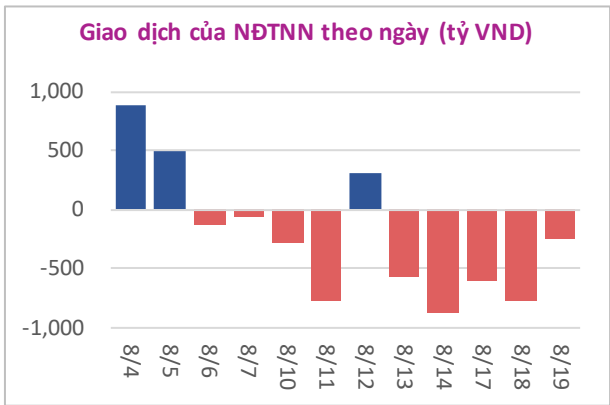


# TOÀN CẢNH THỊ TRƯỜNG

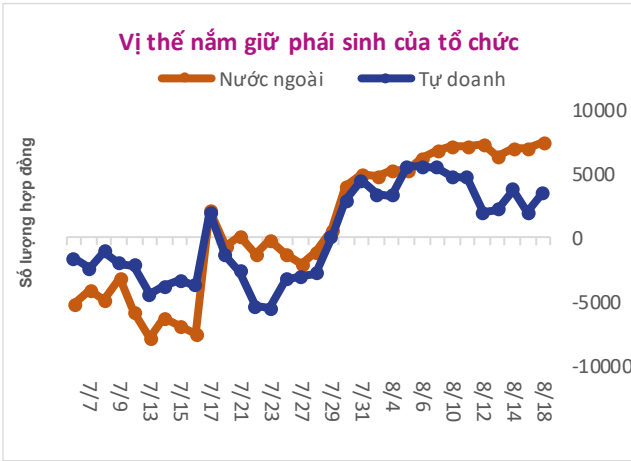
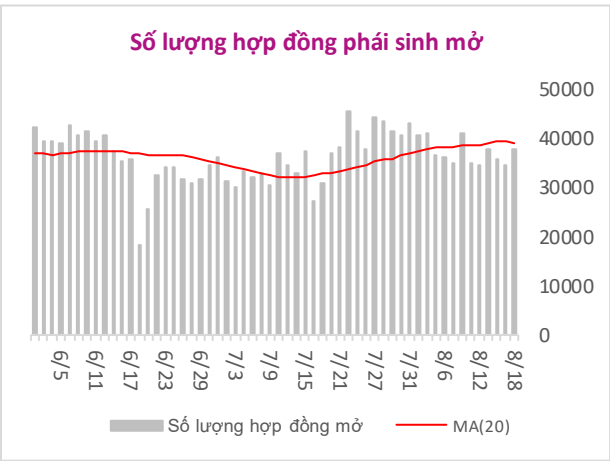
## Nhóm dẫn dắt thị trường



## Giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài

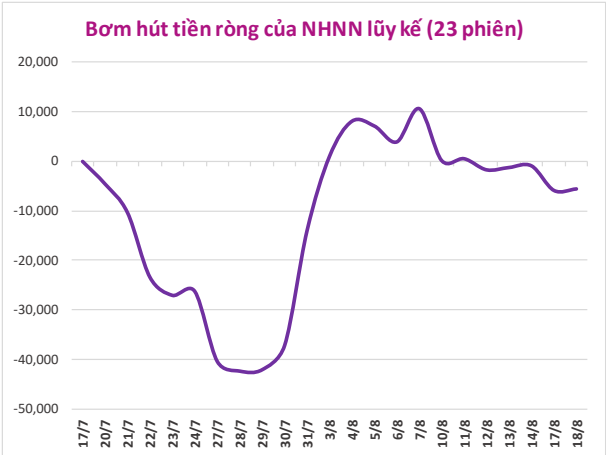
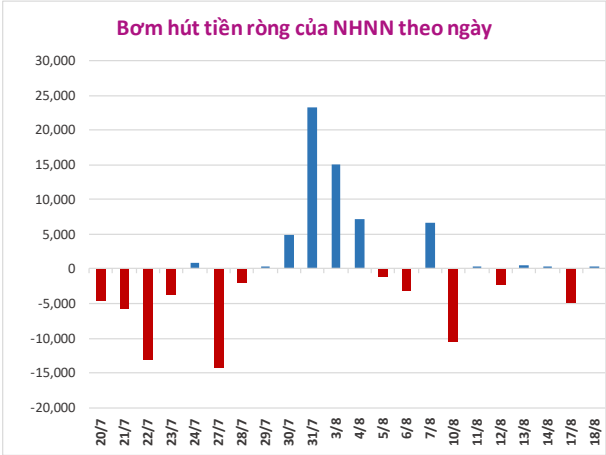


## Thị trường phái sinh VN30



Ghi chú: số âm = hợp đồng short phái sinh

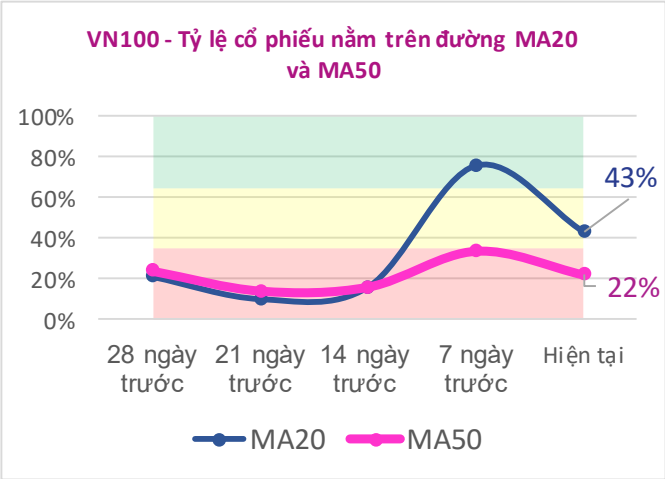
# TOÀN CẢNH THỊ TRƯỜNG



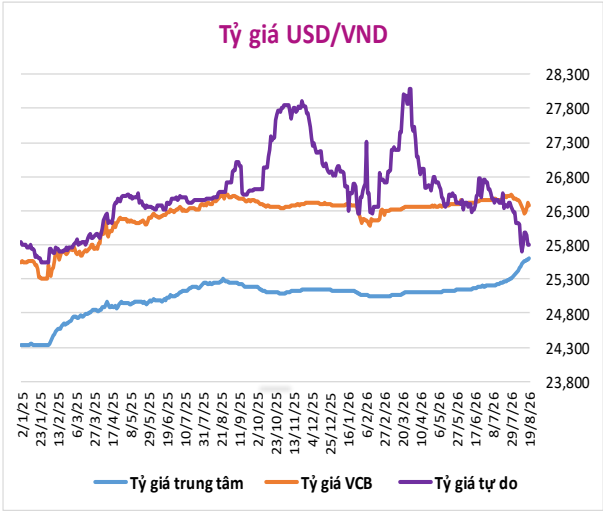
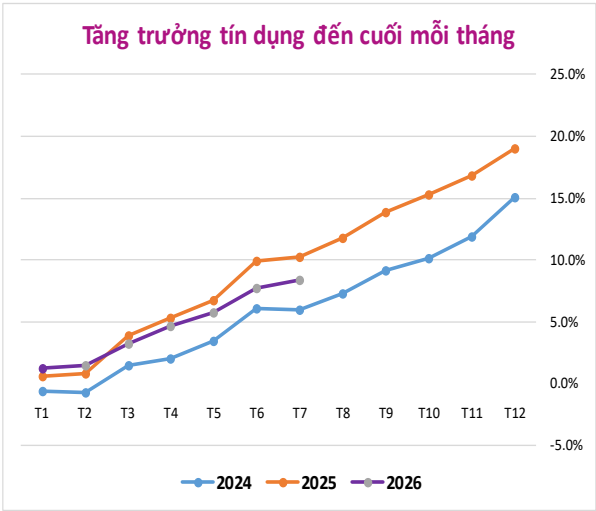
## Các mã cổ phiếu ảnh hưởng đến VnIndex 5 ngày gần nhất

|            |            |            |             |             |
|------------|------------|------------|-------------|-------------|
| GAS (+4.8) | VPI (+2.9) | SBT (+2.7) | GMD (+2.4)  | SIP (-2.1)  |
| CTD (-2.1) | FPT (-2.2) | REE (-2.3) | VCB (-2.7)  | BCM (-2.8)  |
| DGC (-2.9) | MWG (-3.1) | FRT (-3.1) | LPB (-3.4)  | VPL (-4.2)  |
| BMP (-4.7) | VJC (-5.8) | VHM (-6.1) | GEE (-12.3) | VIC (-19.9) |

## Tỷ lệ cổ phiếu nằm trên đường MA20 và MA50



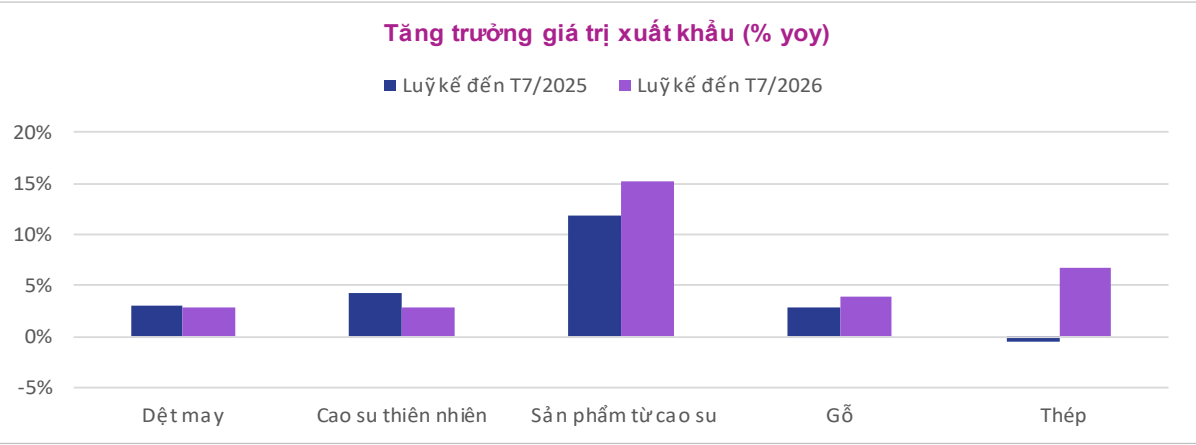
## Tăng trưởng tín dụng và tỷ giá



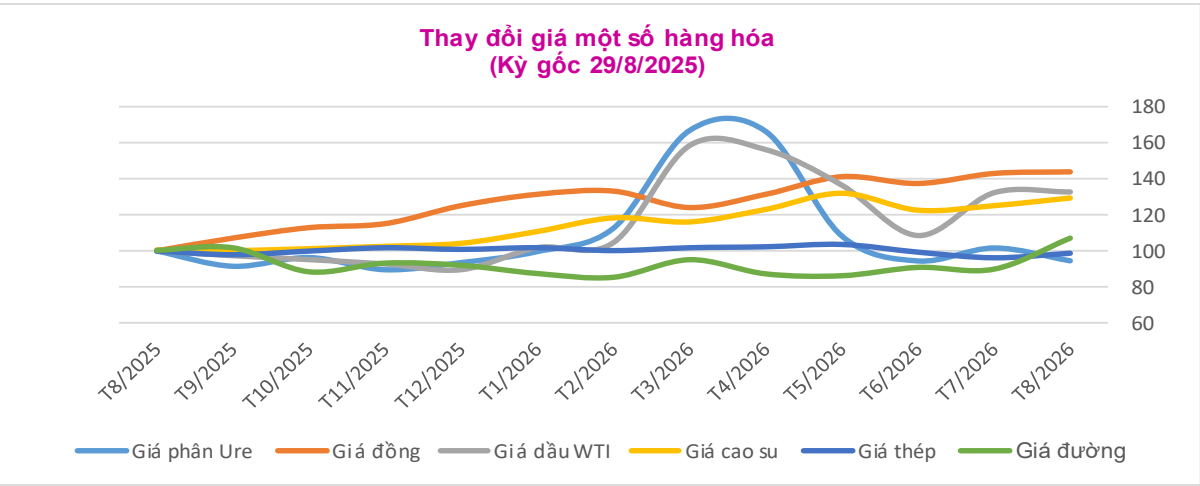
## Chỉ tiêu vĩ mô Việt Nam

| Chỉ tiêu                       | 05/2026 | 06/2026 | 07/2026 | Nhận xét                                                                                            |
|--------------------------------|---------|---------|---------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Chỉ số PMI                     | 52.8    | 51.8    | 52.9    | PMI duy trì tích cực trên 50 điểm, tháng 7 đạt mức cao nhất của năm tháng gần nhất                  |
| Sản xuất công nghiệp (YoY)     | 10.1%   | 12.7%   | 14.5%   | Duy trì tăng trưởng tích cực và ổn định trong nhiều tháng liên tiếp; tháng 7 đạt cao nhất sáu tháng |
| Tổng mức bán lẻ hàng hoá (YoY) | 11.8%   | 14.8%   | 14.5%   | Duy trì tăng trưởng ổn định nhiều tháng liên tiếp; tháng 7 tiếp tục tăng trưởng trên 14%            |
| Kim ngạch xuất khẩu (YoY)      | 18.0%   | 28.1%   | 25.5%   | Tiếp tục duy trì tăng trưởng ở mức cao                                                              |
| Kim ngạch nhập khẩu (YoY)      | 33.8%   | 45.7%   | 41.7%   | Duy trì tăng trưởng cao; tháng 7 tiếp tục trên 40%, nhưng nhập siêu tháng thứ tám liên tiếp         |
| Tỷ lệ lạm phát (YoY)           | 5.6%    | 4.7%    | 4.5%    | Lạm phát vẫn ở mức cao, nhưng tiếp tục có phần hạ nhiệt so với 4 tháng trước đó                     |
| Tỷ giá VCB USD/VND (MoM)       | 0.1%    | 0.3%    | 0.09%   | Tỷ giá ít biến động nhiều tháng gần đây                                                             |

## Tăng trưởng xuất khẩu một số ngành hàng



## Diễn biến giá một số loại hàng hoá



ĐIỂM TIN

TIN NỔI BẬT

**Trước ngày chốt 21/8: Thanh khoản lao dốc, chứng khoán Việt trông chờ gì từ FTSE?:** Thị trường chứng khoán Việt Nam ghi nhận thanh khoản sụt giảm mạnh quanh mức 10.000–11.000 tỷ đồng mỗi phiên do tâm lý thận trọng kéo dài và sự cạnh tranh dòng vốn từ nhóm công nghệ toàn cầu. Mốc 21/8 đánh dấu kỳ rà soát bán niên của FTSE Russell nhằm chốt danh mục cổ phiếu Việt Nam trước khi chính thức nâng hạng lên Secondary Emerging vào ngày 21/9 tới. Quá trình chuyển đổi diễn ra theo 4 giai đoạn với ước tính thu hút từ 1,5 tỷ đến hơn 5 tỷ USD vốn ngoại. Dù vậy, chuyên gia nhận định nâng hạng chỉ là điều kiện cần; thách thức lớn nhất là cải thiện cơ cấu nhà đầu tư tổ chức và phát triển các sản phẩm quỹ để giữ chân dòng tiền dài hạn thay vì phụ thuộc vào tâm lý đầu cơ cá nhân. (Nguồn: vietnamfinance.vn)



TIN QUỐC TẾ

**Đồng USD trượt giá xuống mức thấp nhất 2 tháng rưỡi:** Triển vọng Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) tăng lãi suất vào tháng 9 suy giảm đang gây áp lực giảm giá đáng kể lên đồng USD, khiến bạc xanh trượt xuống mức thấp nhất hơn 10 tuần so với các đồng tiền chủ chốt khác. Trái lại, các đồng tiền của các nền kinh tế mới nổi đang trên đà tăng giá mạnh. Nguyên nhân chính xuất phát từ các số liệu kinh tế Mỹ suy yếu, bao gồm sụt giảm việc làm phi nông nghiệp và lạm phát tháng 7 hạ nhiệt, khiến kỳ vọng Fed tăng lãi suất vào tháng 9 giảm mạnh xuống còn khoảng 30%. Sự suy yếu của đồng bạc xanh đã tạo động lực giúp các đồng tiền tại những thị trường mới nổi tăng giá kỷ lục và thu hút dòng vốn ngoại quay trở lại, đặc biệt tại khu vực châu Á. (Nguồn: vneconomy.vn)

**Iran nêu điều kiện mở cửa eo biển Hormuz:** Chủ tịch Quốc hội Iran Mohammad Bagher Ghalibaf tuyên bố eo biển Hormuz sẽ tiếp tục đóng cửa cho đến khi phía Mỹ thực hiện đầy đủ các cam kết trong bản ghi nhớ tạm thời đạt được hồi tháng 6. Tehran đặt ra các điều kiện tiên quyết gồm: Washington phải dỡ bỏ phong tỏa các cảng biển của Iran, giải phóng nguồn tài sản đang bị đóng băng, xóa bỏ hoàn toàn trừng phạt đối với ngành dầu mỏ và chấm dứt các hành động đe dọa quân sự. Tuyên bố này được đưa ra ngay sau khi thời hạn 60 ngày của thỏa thuận khung hết hạn mà không đạt đột phá, giữa lúc căng thẳng an ninh hàng hải tại khu vực tiếp tục leo thang do tàu thuyền liên tiếp bị tấn công. (Nguồn: tienphong.vn)

TIN THỊ TRƯỜNG

**Thị trường chứng khoán Mỹ** khép lại phiên giao dịch với sắc đỏ bao trùm trên diện rộng khi cả ba chỉ số chủ chốt đều đồng loạt giảm điểm. Cụ thể, chỉ số Dow Jones ghi nhận mức điều chỉnh nhẹ nhất khi giảm 116,38 điểm, tương đương giảm 0,22%, lùi về vùng giá 53.343,40 điểm. Trong khi đó, chỉ số S&P 500 cũng chịu áp lực bán khá rõ rệt, đánh mất 53,30 điểm, tức giảm 0,69%, xuống còn 7.691,76 điểm. Đáng chú ý nhất là chỉ số Nasdaq khi bị bán tháo mạnh nhất trong bộ ba chỉ số lớn, giảm tới 355,20 điểm, tương ứng mức giảm 1,33%, đóng cửa tại mốc 26.289,71 điểm. Đa suy yếu của nhóm cổ phiếu công nghệ tại Mỹ phần nào phản ánh tâm lý thận trọng chung của các thị trường tài chính quốc tế trong phiên vừa qua. (Nguồn: VIX tổng hợp)

**Thị trường dầu mỏ thế giới** ghi nhận những diễn biến sôi động và phức tạp khi giá dầu duy trì đà giảm co trước áp lực cung cầu. Giá dầu Brent và WTI chịu tác động mạnh từ các rủi ro địa chính trị gia tăng tại Trung Đông, làm dấy lên mối lo ngại về khả năng gián đoạn chuỗi cung ứng năng lượng qua các tuyến hàng hải trọng yếu. Bên cạnh đó, chính sách sản lượng của khối OPEC+ cũng triển vọng phục hồi kinh tế tại các nước tiêu thụ lớn tiếp tục đóng vai trò nâng đỡ mặt bằng giá. Tuy nhiên, đà tăng vẫn vấp phải lực cản khi tăng trưởng toàn cầu tiềm ẩn nhiều bất định, kéo theo dự báo tiêu thụ suy yếu kéo dài. (Nguồn: VIX tổng hợp)

**Thị trường vàng thế giới** duy trì xu hướng biến động mạnh và thu hút dòng tiền lớn khi đóng vai trò kênh trú ẩn an toàn then chốt. Kim loại quý được nâng đỡ vững chắc trước những bất ổn kinh tế toàn cầu, cùng kỳ vọng các ngân hàng trung ương lớn tiếp tục nới lỏng chính sách tiền tệ và giảm lãi suất. Lực cầu bổ sung dự trữ ngoại hối từ các tổ chức tài chính quốc tế và nhu cầu mua vào của giới đầu tư châu Á đóng vai trò trợ lực đáng kể cho đà tăng giá. Tuy nhiên, thị trường vẫn xuất hiện những nhịp rung lắc kỹ thuật do hoạt động chốt lời ngắn hạn khi kim loại quý tiếp cận các vùng kháng cự lịch sử. Nhìn chung, kim loại quý vẫn giữ sức hút rất lớn. (Nguồn: VIX tổng hợp)

| CHỈ SỐ        | ĐIỂM     | +/-      | +/- (%) |
|---------------|----------|----------|---------|
| Dow Jones     | 53343.40 | -116.38  | -0.22   |
| S&P 500       | 7691.76  | -53.30   | -0.69   |
| Nasdaq        | 26289.71 | -355.20  | -1.33   |
| FTSE100       | 10728.04 | 7.74     | 0.07    |
| Euro Stoxx 50 | 6468.85  | -61.60   | -0.94   |
| DAX           | 26128.36 | -210.25  | -0.80   |
| Nikkei 225    | 65925.50 | -3294.75 | -4.76   |
| Shanghai      | 3990.30  | 7.65     | 0.19    |
| KOSPI         | 6869.83  | -108.11  | -1.55   |

TIN TRONG NƯỚC

**Nhận lệnh giảm lãi suất: Áp lực dồn lên NIM các ngân hàng:** Dưới chỉ đạo quyết liệt từ Chính phủ về việc giảm thực chất lãi suất cho vay nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, hệ thống ngân hàng đang đối mặt với áp lực lớn khiến biên lãi ròng (NIM) tiếp tục thu hẹp. Tình trạng chênh lệch tín dụng – huy động gia tăng buộc các nhà băng phải nâng lãi suất đầu vào để giữ thanh khoản, trong khi mảng cho vay bán lẻ có lợi suất cao lại suy giảm. Dự báo NIM toàn ngành có thể lùi về mức 2,8–2,9% trong nửa cuối năm. Điều này tạo ra sự phân hóa rõ rệt: các ngân hàng có thể mạnh về tỷ lệ CASA cao, quy mô vốn lớn và đẩy mạnh số hóa sẽ thích ứng tốt hơn, trong khi những nhà băng nhỏ đối mặt nguy cơ suy giảm lợi nhuận nghiêm trọng. (Nguồn: vietnambiz.vn)

**Ngành quản lý quỹ tìm động lực mới trên hành trình tới mục tiêu 5% GDP:** Đề án Cải cách tổng thể thị trường tài chính đặt mục tiêu nâng tổng giá trị tài sản ròng (NAV) của các quỹ đầu tư chứng khoán lên 5% GDP vào năm 2030. Hiện tại, quy mô NAV toàn ngành mới chỉ đạt khoảng 0,8% GDP, đặt ra yêu cầu tăng trưởng gấp hơn 6 lần. Để thu hẹp khoảng cách này và dịch chuyển nguồn tiền nhàn rỗi từ tiết kiệm hay giao dịch cá nhân sang các định chế chuyên nghiệp, ngành quỹ cần phát triển mạnh các nhóm sản phẩm mới như quỹ thị trường tiền tệ (MMF), quỹ trái phiếu hạ tầng và các sản phẩm thu nhập cố định. Bên cạnh đó, việc mở rộng phân phối qua mạng lưới ngân hàng, công nghệ số và nâng cao năng lực quản trị rủi ro thành khoản sẽ là động lực cốt lõi thu hút dòng vốn dài hạn. (Nguồn: thitruongtaichinhthiente.vn)

# TOÀN CẢNH THỊ TRƯỜNG

## Danh mục theo dõi trung hạn

| STT | Mã  | Ngành           | Chỉ số cơ bản |             |                           |                           |                       |                       | Chỉ số định giá |        |      |         | Giá thị trường (19/8/26) |
|-----|-----|-----------------|---------------|-------------|---------------------------|---------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------|--------|------|---------|--------------------------|
|     |     |                 | % LNST        | % LNST      | Biên lợi                  | Biên lợi                  | ROE Chỉ số            | ROA Chỉ số            | Book Value      | EPS    | P/B  | P/E     |                          |
|     |     |                 | Q1/26 (YoY)   | Q2/26 (YoY) | Biên lợi nhuận ròng Q1/26 | Biên lợi nhuận ròng Q2/26 | (TTM) Năm: 2025 (TTM) | (TTM) Năm: 2026 (TTM) |                 |        |      |         |                          |
| 1   | ACB | Ngân hàng       | 10.6%         | -38.7%      | 51.1%                     | 33.9%                     | 17.6%                 | 1.7%                  | 18,401          | 3,042  | 1.18 | 7.2     | 21,800                   |
| 2   | ANV | Thủy sản        | 915.5%        | 4610.8%     | 14.2%                     | 11.9%                     | 31.6%                 | 18.7%                 | 13,226          | 3,748  | 1.26 | 4.4     | 16,650                   |
| 3   | BFC | Phân bón        | 14.0%         | -29.9%      | 3.6%                      | 2.8%                      | 19.3%                 | 8.6%                  | 29,657          | 7,003  | 1.61 | 6.8     | 47,600                   |
| 4   | BID | Ngân hàng       | 16.7%         | 45.3%       | 28.8%                     | 38.2%                     | 18.8%                 | 1.0%                  | 24,726          | 4,342  | 1.44 | 8.2     | 35,700                   |
| 5   | BMP | VLXD            | 21.0%         | 13.2%       | 22.9%                     | 20.3%                     | 44.0%                 | 37.4%                 | 35,151          | 15,010 | 4.12 | 9.6     | 144,700                  |
| 6   | BSR | Dầu khí         | 175.1%        | 3739.7%     | 2.6%                      | 8.1%                      | 8.9%                  | 6.0%                  | 12,079          | 1,036  | 2.22 | 25.9    | 26,850                   |
| 7   | CTD | Xây dựng        | 217.2%        | 117.8%      | 4.0%                      | 2.3%                      | 8.6%                  | 2.5%                  | 90,563          | 7,540  | 0.68 | 8.2     | 61,800                   |
| 8   | CTG | Ngân hàng       | 63.9%         | 12.3%       | 37.8%                     | 47.4%                     | 21.1%                 | 1.3%                  | 23,129          | 4,488  | 1.35 | 6.9     | 31,150                   |
| 9   | CTR | Xây dựng        | 15.5%         | 8.8%        | 4.3%                      | 4.1%                      | 30.5%                 | 7.8%                  | 18,086          | 5,242  | 4.21 | 14.5    | 76,100                   |
| 10  | DCM | Phân bón        | 171.9%        | 16.6%       | 11.0%                     | 10.3%                     | 18.7%                 | 11.7%                 | 20,390          | 3,706  | 1.50 | 8.3     | 30,650                   |
| 11  | DGW | Bán lẻ          | 39.2%         | 10.3%       | 2.3%                      | 2.0%                      | 16.9%                 | 5.5%                  | 15,690          | 2,508  | 2.67 | 16.7    | 41,900                   |
| 12  | DHA | Khai thác đá    | 111.3%        | 146.3%      | 32.8%                     | 18.4%                     | 24.0%                 | 21.7%                 | 32,319          | 7,258  | 1.60 | 7.1     | 51,600                   |
| 13  | FOX | Viễn thông      | 26.2%         | 22.8%       | 18.4%                     | 17.3%                     | 31.2%                 | 13.7%                 | 15,202          | 4,719  | 4.21 | 13.6    | 64,000                   |
| 14  | FPT | Phần mềm        | 17.1%         | 19.5%       | 16.9%                     | 14.8%                     | 23.6%                 | 11.7%                 | 25,683          | 6,590  | 2.69 | 10.5    | 69,000                   |
| 15  | GAS | Dầu khí         | 1.3%          | -32.4%      | 7.3%                      | 3.2%                      | 17.7%                 | 13.0%                 | 28,038          | 4,796  | 2.99 | 17.5    | 83,800                   |
| 16  | GEG | Điện            | 267.5%        | 676.3%      | 11.9%                     | 16.3%                     | 11.5%                 | 4.6%                  | 15,665          | 2,282  | 0.79 | 5.4     | 12,350                   |
| 17  | GMD | Dịch vụ         | -3.6%         | 76.4%       | 27.7%                     | 40.9%                     | 11.7%                 | 8.9%                  | 34,842          | 5,162  | 2.27 | 15.32   | 79,100                   |
| 18  | HAG | Nông nghiệp     | 23.1%         | 345.5%      | 22.8%                     | 50.7%                     | 18.1%                 | 8.6%                  | 11,191          | 1,762  | 1.26 | 7.97    | 14,050                   |
| 19  | HDG | Bất động sản    | 85.0%         | 482.5%      | 47.2%                     | 42.2%                     | 9.0%                  | 4.9%                  | 22,644          | 2,570  | 0.70 | 6.19    | 15,900                   |
| 20  | HHV | Xây dựng        | 23.3%         | 58.1%       | 16.7%                     | 16.7%                     | 5.1%                  | 1.5%                  | 24,481          | 1,364  | 0.41 | 7.33    | 10,000                   |
| 21  | HPG | Thép            | 32.8%         | 38.4%       | 11.0%                     | 8.4%                      | 12.6%                 | 6.4%                  | 17,096          | 2,021  | 1.23 | 10.39   | 21,000                   |
| 22  | HT1 | Xi măng         | 278.5%        | 413.6%      | 4.6%                      | 4.3%                      | 5.5%                  | 3.5%                  | 13,336          | 718    | 0.97 | 17.97   | 12,900                   |
| 23  | KBC | Bất động sản    | 54.8%         | 2477.5%     | 23.2%                     | 40.3%                     | 9.1%                  | 3.8%                  | 28,399          | 2,365  | 0.94 | 11.33   | 26,800                   |
| 24  | KDH | Bất động sản    | 692.5%        | 101.7%      | 47.9%                     | 43.7%                     | 5.2%                  | 3.2%                  | 18,865          | 1,456  | 0.93 | 12.02   | 17,500                   |
| 25  | LCG | Xây dựng        | 9.6%          | 130.2%      | 7.1%                      | 4.7%                      | 5.7%                  | 2.2%                  | 13,112          | 723    | 0.54 | 9.78    | 7,070                    |
| 26  | MCH | Thực phẩm       | -18.9%        | -11.1%      | 22.6%                     | 22.7%                     | 44.5%                 | 21.6%                 | 17,480          | 6,336  | 7.72 | 21.31   | 135,000                  |
| 27  | MML | Thực Phẩm       | 419.5%        | 79.6%       | 4.3%                      | 6.3%                      | 11.6%                 | 5.0%                  | 15,282          | 1,819  | 1.83 | 15.39   | 28,000                   |
| 28  | MSH | Hàng May mặc    | 54.2%         | 17.4%       | 12.2%                     | 14.6%                     | 28.7%                 | 13.3%                 | 19,626          | 5,962  | 1.54 | 5.06    | 30,150                   |
| 29  | MSN | Thực phẩm       | 43.4%         | 48.4%       | 8.8%                      | 9.9%                      | 9.6%                  | 3.0%                  | 29,647          | 4,448  | 2.22 | 14.81   | 65,900                   |
| 30  | MSR | Khai khoáng     | 101.5%        | 207.9%      | 0.3%                      | 9.3%                      | 0.1%                  | 0.0%                  | 11,076          | 10     | 3.83 | 4129.37 | 42,400                   |
| 31  | MWG | Bán lẻ          | 121.4%        | 144.9%      | 4.5%                      | 4.9%                      | 23.0%                 | 9.1%                  | 22,575          | 4,814  | 3.17 | 14.85   | 71,500                   |
| 32  | NAF | Nước trái cây   | 55.8%         | 26.3%       | 7.0%                      | 7.6%                      | 16.5%                 | 6.7%                  | 11,491          | 2,140  | 4.19 | 22.48   | 48,100                   |
| 33  | NLG | Bất động sản    | 679.5%        | -62.1%      | 12.5%                     | 29.6%                     | 4.8%                  | 2.5%                  | 30,559          | 1,951  | 0.78 | 12.17   | 23,750                   |
| 34  | NT2 | Điện            | 383.5%        | 641.4%      | 11.1%                     | 21.9%                     | 25.0%                 | 12.6%                 | 16,880          | 3,926  | 1.26 | 5.41    | 21,250                   |
| 35  | NTP | VLXD            | 49.9%         | -6.3%       | 16.0%                     | 10.8%                     | 25.1%                 | 14.8%                 | 24,742          | 5,805  | 2.06 | 8.77    | 50,900                   |
| 36  | PLX | Dầu khí         | 441.0%        | 14.2%       | 0.8%                      | 0.9%                      | 9.2%                  | 3.2%                  | 22,781          | 2,305  | 1.67 | 16.51   | 38,050                   |
| 37  | POW | Điện            | 109.2%        | 585.3%      | 12.1%                     | 7.9%                      | 6.5%                  | 2.8%                  | 13,307          | 1,019  | 1.00 | 13.10   | 13,350                   |
| 38  | PVS | Dầu khí         | 73.3%         | 73.5%       | 3.5%                      | 9.9%                      | 11.8%                 | 5.0%                  | 31,694          | 3,722  | 1.13 | 9.62    | 35,800                   |
| 39  | QNS | Đường           | -28.4%        | -2.8%       | 14.2%                     | 22.4%                     | 18.6%                 | 13.6%                 | 28,956          | 5,231  | 1.57 | 8.70    | 45,500                   |
| 40  | SBT | Đường           | -13.0%        | -19.2%      | 3.7%                      | 2.8%                      | 6.7%                  | 2.2%                  | 13,938          | 866    | 1.70 | 27.42   | 23,750                   |
| 41  | SHB | Ngân hàng       | 49.8%         | 8.3%        | 40.7%                     | 39.0%                     | 19.1%                 | 1.5%                  | 14,800          | 2,605  | 0.78 | 4.41    | 11,500                   |
| 42  | SIP | Bất động sản    | 21.7%         | 6.3%        | 17.1%                     | 17.4%                     | 25.3%                 | 5.0%                  | 24,181          | 6,303  | 2.04 | 7.84    | 49,400                   |
| 43  | STB | Ngân hàng       | 31.8%         | -176.5%     | 33.0%                     | -35.8%                    | 10.3%                 | 0.7%                  | 31,756          | 3,150  | 2.36 | 23.74   | 74,800                   |
| 44  | TCB | Ngân hàng       | 14.2%         | 104.1%      | 46.4%                     | 47.2%                     | 15.4%                 | 2.3%                  | 25,331          | 3,663  | 1.22 | 8.41    | 30,800                   |
| 45  | TCM | Hàng May mặc    | -21.4%        | -24.2%      | 7.1%                      | 5.4%                      | 11.4%                 | 6.7%                  | 21,823          | 2,419  | 0.74 | 6.65    | 16,100                   |
| 46  | TRC | Cao su          | 60.4%         | -68.8%      | 49.0%                     | 15.2%                     | 13.1%                 | 11.5%                 | 69,312          | 8,669  | 1.19 | 9.52    | 82,500                   |
| 47  | VCB | Ngân hàng       | 5.3%          | 0.7%        | 50.0%                     | 45.0%                     | 16.6%                 | 1.6%                  | 27,231          | 4,213  | 2.11 | 13.65   | 57,500                   |
| 48  | VGX | Hàng May mặc    | 56.0%         | 57.7%       | 7.1%                      | 8.4%                      | 9.1%                  | 4.4%                  | 20,090          | 2,666  | 0.57 | 4.28    | 11,400                   |
| 49  | VHC | Thủy sản        | 33.5%         | -43.4%      | 13.1%                     | 9.0%                      | 14.4%                 | 10.6%                 | 44,495          | 6,465  | 1.19 | 8.18    | 52,900                   |
| 50  | VJC | Hàng không      | -43.9%        | 43618.4%    | 1.9%                      | 1.7%                      | 10.1%                 | 1.8%                  | 42,005          | 3,589  | 2.93 | 34.27   | 123,000                  |
| 51  | VNM | Sản phẩm từ sữa | 4.5%          | 31.7%       | 14.8%                     | 16.6%                     | 26.6%                 | 17.4%                 | 16,499          | 4,504  | 3.75 | 13.74   | 61,900                   |
| 52  | VPB | Ngân hàng       | 76.8%         | 61.1%       | 36.6%                     | 36.2%                     | 14.6%                 | 2.2%                  | 22,722          | 3,070  | 1.09 | 8.10    | 24,850                   |
| 53  | VTP | Vận tải         | -20.2%        | 17.3%       | 1.7%                      | 2.6%                      | 24.1%                 | 5.8%                  | 14,519          | 3,348  | 3.88 | 16.82   | 56,300                   |

# TOÀN CẢNH THỊ TRƯỜNG

## Cập nhật giá hàng hoá

| Chỉ số                              | Giá            | +/- 15 ngày | +/- 30 ngày | +/- Định 1 tháng | +/- Đáy 1 tháng |
|-------------------------------------|----------------|-------------|-------------|------------------|-----------------|
| BTC                                 | 64438.22(+115) | +442        | +2,404      | -1,999           | +2,404          |
| Giá dầu WTI                         | 84.94(+0)      | +0          | +11         | -7               | +14             |
| Giá gas châu Âu                     | 64.25(+2)      | +3          | +15         | 0                | +15             |
| Giá vàng                            | 4334.92(-81)   | +269        | +260        | -81              | +359            |
| Giá đồng                            | 6.48(-0)       | +0          | +0          | -0               | +0              |
| Giá đường                           | 17.48(+1)      | +3          | +2          | 0                | +3              |
| Giá phân Ure                        | 390.5(+7)      | -51         | -5          | -62              | +7              |
| Giá thép                            | 3030(+21)      | +5          | -52         | -101             | +77             |
| Giá quặng sắt (62%Fe)               | 95.28(+0)      | -3          | -4          | -4               | +2              |
| Giá than                            | 129.75(+0)     | -0          | +1          | -4               | +2              |
| Giá đậu tương                       | 1200.75(-0)    | +23         | +6          | -46              | +53             |
| Giá ngô                             | 463.25(-2)     | +14         | +29         | -2               | +36             |
| Giá nhựa Polyvinyl                  | 4592(+4)       | +76         | +93         | -52              | +145            |
| Giá cước vận tải khô BDI            | 2815(-63)      | +183        | -56         | -274             | +183            |
| Giá cước vận tải container (Drewry) | 4339(0)        | -35         | -191        | -300             | +84             |
| DXY                                 | 99.64(+0)      | -1          | -1          | -2               | +0              |
| Giá cao su                          | 223.7(+4)      | +7          | +7          | -1               | +13             |
| Phốt pho vàng                       | 27812.33(-117) | +983        | +1,350      | -184             | +1,650          |
| Ure(Sunsir)                         | 1705(+3)       | -53         | -100        | -100             | +3              |
| H2SO4                               | 1835(0)        | -258        | -278        | -278             | 0               |
| HRC(Sunsir)                         | 3286(0)        | -18         | -16         | -56              | +66             |
| Iron Ore (Sunsir)                   | 699.33(-2)     | -10         | -13         | -28              | +20             |
| Cao su thiên nhiên (Sunsir)         | 17100(-33)     | +658        | +242        | -33              | +708            |
| PVC(Sunsir)                         | 4515(+40)      | +70         | +102        | -70              | +140            |
| Rebar                               | 3076(-2)       | +6          | -19         | -24              | +74             |
| Cautic soda                         | 639(0)         | -4          | -4          | -4               | 0               |



## Khuyến cáo sử dụng

Báo cáo phân tích được lập và phát hành bởi Công ty cổ phần Chứng khoán VIX ("VIX"). Báo cáo này không nhằm phát hành rộng rãi ra công chúng và chỉ mang tính chất cung cấp thông tin cho một số đối tượng nhất định, cũng như không được phép sao chép hoặc phân phối lại cho bất kỳ bên thứ ba nào khác. Tất cả những cá nhân, tổ chức nắm giữ báo cáo này đều phải tuân thủ những điều trên.

Báo cáo này không phải là một lời kêu gọi, đề nghị, mời chào mua hoặc bán bất kỳ mã chứng khoán nào. Các thông tin trong báo cáo nghiên cứu được chuẩn bị từ các thông tin công bố công khai, dữ liệu phát triển nội bộ và các nguồn khác được cho là đáng tin cậy, nhưng chưa được kiểm chứng độc lập bởi VIX và VIX sẽ không đại diện hoặc đảm bảo đối với tính chính xác, đúng đắn và đầy đủ của những thông tin này.

Toàn bộ những đánh giá, quan điểm và khuyến nghị đưa ra trong báo cáo có thể được thay đổi mà không báo trước. VIX không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi hoặc bổ sung bản báo cáo cũng như không có nghĩa vụ thông báo cho tổ chức, cá nhân nhận được bản báo cáo này trong trường hợp các đánh giá, quan điểm hay khuyến nghị được đưa ra có sự thay đổi hoặc trở nên không còn chính xác.

Các mã chứng khoán trong bản báo cáo có thể không phù hợp với tất cả các nhà đầu tư, và nội dung của bản báo cáo không đề cập đến các nhu cầu đầu tư, mục tiêu và điều kiện tài chính của bất kỳ nhà đầu tư cụ thể nào. Trước khi thực hiện đầu tư bất kỳ mã chứng khoán nào nêu trong báo cáo này, nhà đầu tư nên liên hệ với những chuyên gia tư vấn đầu tư của họ để thảo luận về trường hợp cụ thể của mình.